



chung là vấn đề cần phải ưu tiên hàng đầu hiện nay. Để kiểm soát lạm phát cần thực hiện đồng bộ nhiều chính sách cả về tài chính lẫn tiền tệ như cơ cấu lại chi tiêu chính phủ, điều chỉnh chính sách tỷ giá, điều hành linh hoạt chính sách lãi suất.... Trong động thái đó, Ngân hàng nhà nước (NHNN) với vai trò là cơ quan điều hành chính sách tiền tệ quốc gia đã có những điều chỉnh về tín dụng, lãi suất, tỷ giá. Xét riêng về chính

**Hiệu lực của việc điều chỉnh tỷ giá đến lạm phát:**

# Nhìn từ góc độ cơ cấu mặt hàng xuất nhập khẩu

Th.S Trần Thế Sao  
ĐH Mở TP HCM

**Đ**ứng trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam với những yếu kém nội tại cộng hưởng với những điều kiện bất lợi từ kinh tế tài chính thế giới đã bộc lộ ra những dấu hiệu đầu tiên báo hiệu nguy cơ khủng hoảng, tâm điểm là tỷ lệ lạm phát tăng cao liên tục trong hai năm 2007 và 2008, tỷ lệ lạm phát trong hai năm này lần đầu tiên vượt ngưỡng hai chữ số kể từ năm 1996. Với tỷ lệ 19,89% (2008), lạm phát đạt mức cao nhất trong vòng 15 năm trở lại đây. Khủng hoảng tài chính thế giới khiến cho nền kinh tế các quốc gia lao đao, làn sóng suy thoái kinh tế quét qua

hầu hết các quốc gia trên thế giới, tình hình đó phần nào “góp phần” chặn đứng đà gia tăng của lạm phát. Cùng với các điều chỉnh linh hoạt trong chính sách tiền tệ, lạm phát năm 2009 đã giảm xuống mức một con số, còn 6,9%. Trong cái mừng vẫn chứa đầy nỗi âu lo, lo là vì chúng ta chỉ mới kìm giữ lạm phát trong nhất thời mà chưa thể kiểm soát lạm phát theo đúng nghĩa hai từ kiểm soát. Những tháng đầu năm 2010, nỗi lo sợ lạm phát quay trở lại vẫn bao trùm lên tâm lý của nhiều người. Hơn bao giờ hết, kiểm soát lạm phát để ổn định tâm lý nhà đầu tư, nhà sản xuất nói riêng và ổn định kinh tế vĩ mô nói

sách tỷ giá, trong năm 2009, NHNN đã hai lần điều chỉnh tỷ giá (tăng biên độ giao dịch từ 3% lên 5% vào tháng 3 và tăng 3,4% vào tháng 11) nhưng thị trường vẫn khan hiếm cục bộ USD; sau mỗi lần điều chỉnh, tỷ giá chính thức đều lên kịch trần nhưng tỷ giá thị trường tự do vẫn luôn nằm ngoài biên độ cho phép; nhập siêu cao, áp lực lạm phát căng thẳng. Gần đây nhất (10/2/2010), Thống đốc NHNN đã ban hành thông tư 03/2010/TT-NHNN quy định lãi suất tiền gửi tối đa bằng USD của tổ chức kinh tế tại tổ chức tín dụng là 1%/năm và điều

chính tỷ giá bình quân liên ngân hàng lên 18.544VND/USD nhằm góp phần kiểm soát nhập siêu và ổn định kinh tế vĩ mô trong đó có mục tiêu kiểm soát lạm phát. Năm 2010, việc điều hành chính sách tỷ giá tiếp tục được xem là một trong những tâm điểm vĩ mô. Tuy nhiên, để việc điều chỉnh tỷ giá có tác dụng thật sự và lâu dài đến lạm phát trước hết cần phải cơ cấu lại mặt hàng xuất nhập khẩu hiện nay.

Bắt đầu từ năm 1986, nhà

nước đã có những chính sách khuyến khích xuất khẩu góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, tăng thu ngoại tệ, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam tập trung chủ yếu ở các ngành sử dụng nhiều lao động, nặng về gia công, khai thác nguyên liệu thô hoặc mới qua sơ chế có giá trị thấp (hình 1). Trong khi đó, qua hơn hai thập niên phát triển kinh tế, chúng ta vẫn phải nhập hầu hết tất cả các mặt

hàng từ hàng tiêu dùng cho đến nguyên liệu đầu vào của sản xuất, đáng chú ý là hầu hết các nguyên liệu đầu vào quan trọng cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp như xăng dầu, sắt thép, nguyên phụ liệu ngành may, chất dẻo, hóa chất, thức ăn gia súc... đều phải nhập khẩu (bảng 1).

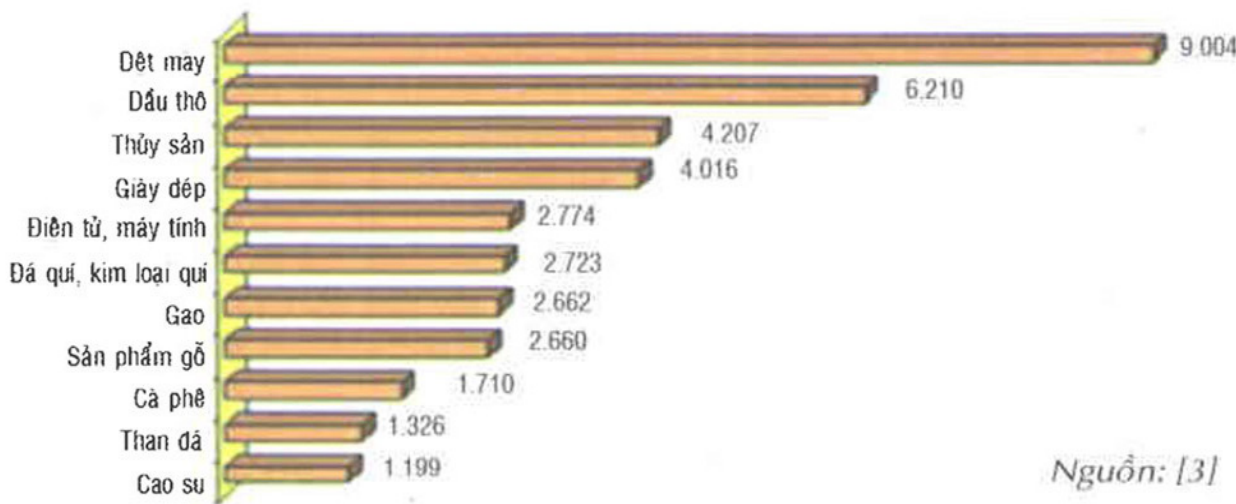
Bảng 1 cho thấy Việt Nam phải nhập hầu hết các mặt hàng cần thiết, đầu vào cho quá trình sản xuất. Trong năm 2009, do giá các mặt hàng giảm so với năm 2008 nên kim ngạch nhập khẩu có phần giảm so với năm 2008, tuy nhiên xét về lượng cho thấy nhu cầu nhập khẩu vẫn tăng.

Chính việc phụ thuộc vào nguồn hàng nhập khẩu nên sự thay đổi của tỷ giá ảnh hưởng đến mức giá trong nước. Ảnh hưởng này thể hiện qua 2 con đường:

- Ảnh hưởng trực tiếp: đối với hàng hóa nhập khẩu là hàng tiêu dùng, tỷ giá biến động sẽ trực tiếp làm biến động giá của hàng hóa nhập khẩu từ đó làm biến động mức giá chung của nền kinh tế. Mức độ thay đổi giá chung của nền kinh tế phụ thuộc vào tỷ trọng của hàng nhập khẩu trong chi tiêu nội địa. Điều này có thể nhận thấy qua công thức sau:  $P = dP_a + (1-d)eP_f$  (1)

(P: giá bán bình quân của hàng hóa i trên thị trường nội địa; Pd: giá bán của hàng hóa i do trong nước sản xuất (tính bằng VND); Pf: giá bán hàng hóa i (tính bằng USD); e: tỷ giá hối đoái; ePf: giá bán hàng hóa i nhập khẩu; d: tỷ trọng hàng hóa sản xuất trong nước)

Hình 1: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thuộc câu lạc bộ 1 tỷ USD năm 2009 (ĐVT: tỷ USD).



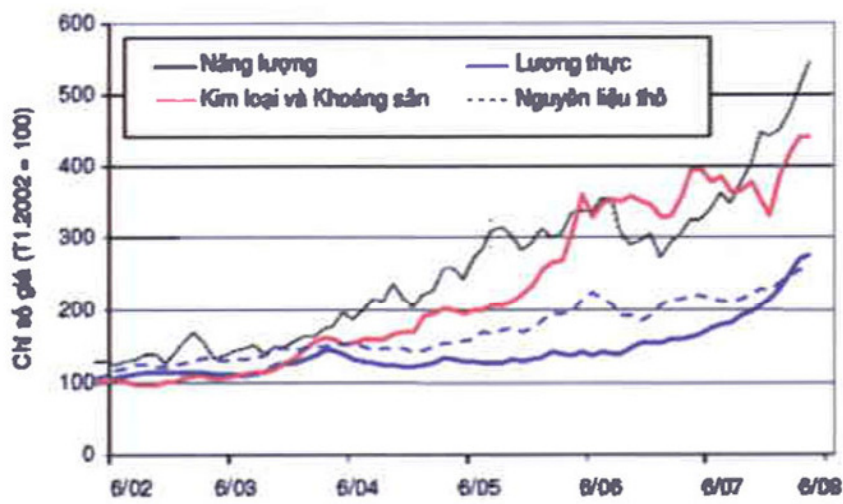
Nguồn: [3]

Bảng 1: Nhập khẩu hàng hóa qua hai năm 2008-2009

Mặt hàng	Kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)		Số lượng 2009/2008
	Năm 2008	Năm 2009	
MMTB, dụng cụ và phụ tùng	13.712	12.369	
Xăng dầu	10.888	6.159	96,5%
Sắt thép	6.566	5.327	113,8%
Vải	4.434	4.224	
Sợi	782	792	119,5%
Bông	457	383	
Máy tính, điện tử, linh kiện	3.722	3.931	
Chất dẻo nguyên liệu	2.924	2.204	125,8%
Nguyên phụ liệu dệt da	2.376	1.935	
Hóa chất	1.768	1.598	
Sản phẩm hóa chất	1.607	1.555	
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	1.738	1.723	
Phân bón	1.470	1.349	141,9%
Gỗ và nguyên phụ liệu gỗ	1.095	888	
Nguyên liệu dược phẩm và tân dược	835	1.098	
Giấy	751	761	115,8%
Sữa và sản phẩm sữa	545	514,2	
Thuốc trừ sâu	472	483	
Lúa mì	291	317	179,8%

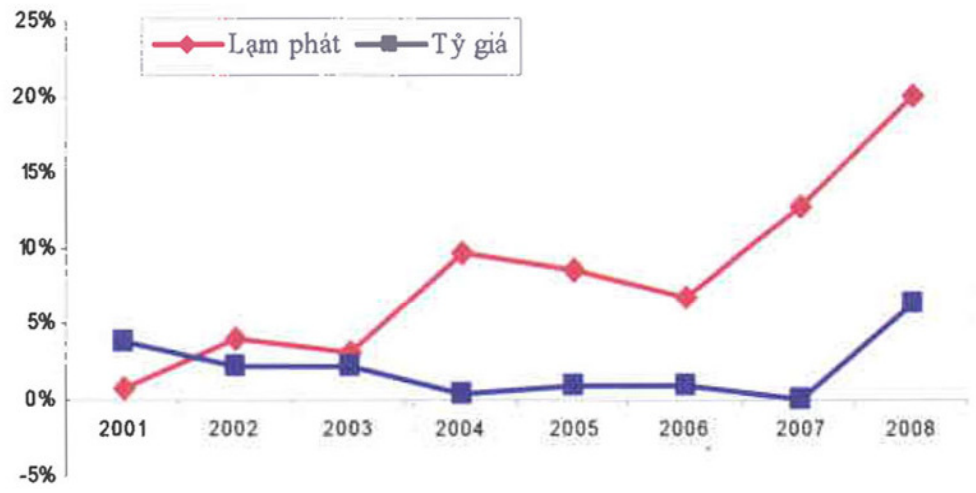
Nguồn: [3]

**Hình 2: Tốc độ tăng giá các mặt hàng trên thế giới.**



Nguồn: [1]

**Hình 3: Tỷ lệ lạm phát và sự thay đổi tỷ giá USD/VND 2001-2008.**



Nguồn: [2]

Theo công thức (1), nếu các yếu tố khác không thay đổi, tỷ giá tăng sẽ kéo theo giá trong nước tăng. Nếu tỷ giá tăng kết hợp với giá hàng hóa trên thị trường thế giới tăng càng làm mức giá trong nước gia tăng mạnh mẽ.

- Ảnh hưởng gián tiếp: đối với hàng hóa nhập khẩu là nguyên vật liệu đầu vào của quá trình sản xuất trong nước, tỷ giá thay đổi sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất, nếu các yếu tố khác không đổi thì giá hàng hóa trên thị trường nội địa thay đổi để đáp ứng với sự thay đổi của chi phí sản xuất. Mức độ thay đổi của chi phí sản xuất phụ thuộc vào tỷ trọng nguyên vật liệu nhập khẩu chiếm trong giá thành sản phẩm. Điều này có thể nhận thấy qua công thức sau:  $Z = \text{Chi phí nguyên vật liệu} + \text{Chi phí khác ngoài vật liệu} = a.Pd + (1-a)ePf + \text{Chi phí khác ngoài vật liệu}$  (2)

(Z: giá thành sản xuất; Pd: giá nguyên vật liệu trong nước (tính bằng VND); Pf: giá nguyên vật liệu nhập khẩu (tính bằng USD); a: tỷ trọng nguyên vật liệu trong

**Bảng 2: Tác động của các thành phần cầu đến nhập khẩu phân theo ngành kinh tế (%)**

	Tiêu dùng tư nhân	Tiêu dùng chính phủ	Tích lũy vốn	Xuất khẩu	Nhập khẩu
<b>Mô hình I/O 1989</b>					
Nông lâm ngư nghiệp	88,08	0,66	3,48	7,78	100
Công nghiệp – xây dựng	64,47	3,78	17,41	14,35	100
Dịch vụ	70,28	22,70	3,02	4,00	100
<b>Tổng (toàn nền kinh tế)</b>	<b>65,02</b>	<b>3,750</b>	<b>17,05</b>	<b>14,17</b>	<b>100</b>
<b>Mô hình I/O 1996</b>					
Nông lâm ngư nghiệp	64,26	0,89	13,85	21,00	100
Công nghiệp – xây dựng	50,65	1,73	30,90	16,72	100
Dịch vụ	61,61	17,68	8,32	12,39	100
<b>Tổng (toàn nền kinh tế)</b>	<b>52,74</b>	<b>3,20</b>	<b>27,43</b>	<b>16,63</b>	<b>100</b>
<b>Mô hình I/O 2000</b>					
Nông lâm ngư nghiệp	54,69	0,69	14,37	30,25	100
Công nghiệp – xây dựng	41,66	1,43	30,67	26,24	100
Dịch vụ	58,46	12,18	9,13	20,23	100
<b>Tổng (toàn nền kinh tế)</b>	<b>45,66</b>	<b>3,87</b>	<b>25,54</b>	<b>24,39</b>	<b>100</b>
<b>Mô hình I/O 2005*</b>					
Nông lâm ngư nghiệp	51,22	0,71	13,00	35,07	100
Công nghiệp – xây dựng	35,21	1,45	30,44	32,90	100
Dịch vụ	60,44	14,25	11,31	14,01	100
<b>Tổng (toàn nền kinh tế)</b>	<b>37,74</b>	<b>2,49</b>	<b>28,38</b>	<b>31,39</b>	<b>100</b>

Nguồn: tính toán theo mô hình I/O\* do Tổng cục Thống kê công bố.

nước; e: tỷ giá hối đoái)

Theo công thức (2), nếu các yếu tố khác không đổi, tỷ giá tăng sẽ làm giá thành sản xuất tăng, về lâu dài buộc các doanh nghiệp phải tăng giá bán để bù đắp chi phí làm cho giá hàng hóa tăng. Nếu tỷ giá tăng kết hợp với giá nguyên vật liệu trên thị trường thế giới tăng càng làm mức giá trong nước tăng mạnh mẽ.

Thực tế trong năm 2008, giá cả tăng nhanh trong nửa đầu năm 2008 cộng với tỷ giá trong năm

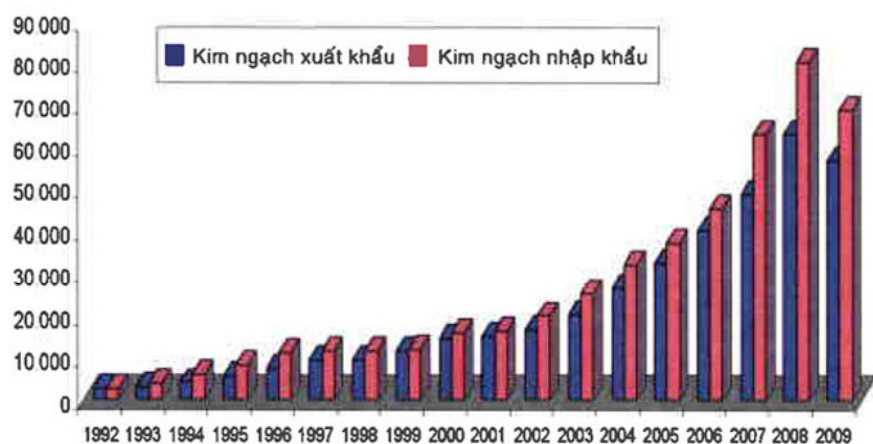
này bình quân tăng 6,31% đã góp phần đẩy lạm phát trong năm này lên mức cao xấp xỉ 20%.

Sử dụng mô hình I/O\* để đánh giá mức độ tác động của các thành phần cầu đến nhập khẩu của nền kinh tế theo tỷ lệ phần trăm cho thấy tác động của xuất khẩu đến nhập khẩu đã gia tăng nhanh chóng, từ mức 14,17% năm 1989 lên mức 31,39% năm 2005 (bảng 2). Do vậy, cần cân nhắc kỹ trước các quyết định điều chỉnh tỷ giá để hỗ trợ xuất khẩu vì Việt Nam càng gia tăng xuất

\* Mô hình I/O 2005 do chuyên gia Tổng cục Thống kê ước tính. Do các hệ số chi phí trung gian của các ngành sản phẩm là tương đối ổn định trong khoảng 5 năm nên việc vận dụng mô hình I/O 2005 để giải thích các vấn đề kinh tế hiện nay vẫn đảm bảo độ tin cậy.

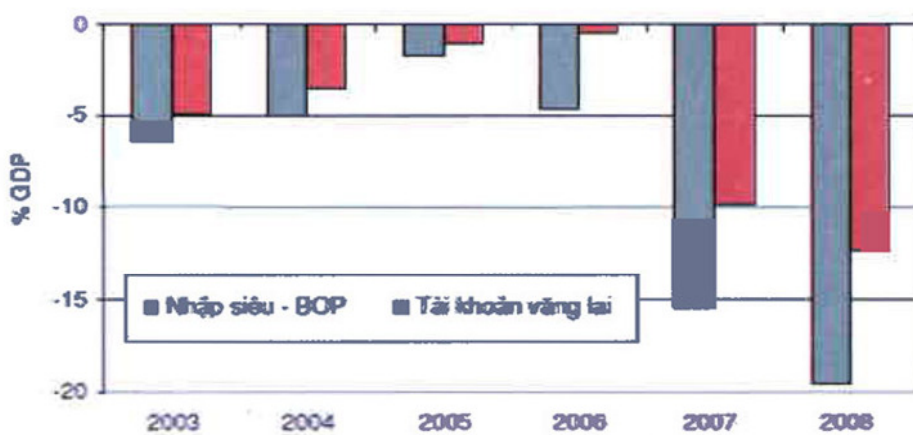


**Hình 4: Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu giai đoạn 1992-2009.**



Nguồn: [3]

**Hình 5: Cán cân mậu dịch và tài khoản vãng lai.**



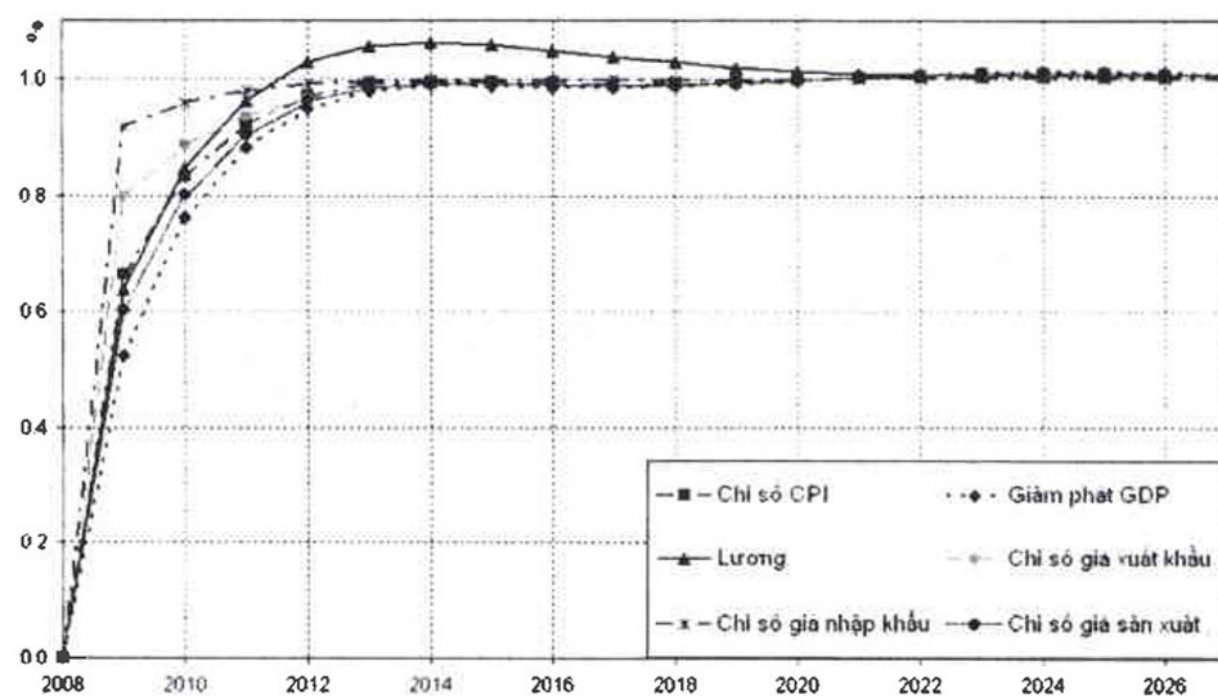
Nguồn: [1]

khẩu thì đồng thời cũng phải tăng nhập khẩu.

Cơ cấu xuất nhập khẩu bất hợp lý này cũng góp một phần không nhỏ vào tình trạng thâm hụt cán cân thương mại liên tục trong nhiều năm. Mặc dù qua các năm kim ngạch xuất khẩu đều tăng nhưng kim ngạch nhập khẩu cũng tăng và lớn hơn kim ngạch xuất khẩu. Xét về tổng thể cán cân tài khoản vãng lai, mức độ thâm hụt năm 2008 nhảy vọt lên so với các năm trước đó, ở mức khoảng 8,3 tỷ USD. Để bù đắp phần thiếu hụt đó, một lượng tiền đồng được phát hành để mua ngoại tệ gây áp lực lên lạm phát.

Một nghiên cứu khác từ năm 2008 (nhóm nghiên cứu của chính phủ) sử dụng mô hình kinh tế lượng vĩ mô được xây dựng trong khuôn khổ dự án hợp tác giữa Tổng cục Thống kê, Bộ kế hoạch và Đầu tư và Viện Nghiên cứu Kinh tế và Thống kê Cộng hòa Pháp về đánh giá tác động của chính sách phá giá đồng nội tệ đối với lạm phát cho thấy nếu đồng nội tệ bị phá giá 1%, khi đó giá nhập khẩu cao hơn đã làm tăng chi phí đầu vào cho sản xuất cũng như giá hàng tiêu dùng của nền kinh tế, nền kinh tế sẽ chịu

**Hình 6: Tác động của chính sách phá giá đồng nội tệ 1% đối với tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng.**



một cú sốc cung tiêu cực, giá cả sẽ tăng do chi phí đẩy. Hình 6 cho thấy giá nhập khẩu tăng mạnh trong ngắn hạn, đạt xấp xỉ 1%. Trong năm thứ nhất, do nhiều nguyên liệu đầu vào cho sản xuất nước ta được nhập khẩu nên giá sản xuất tăng 0,6%, từ đó dẫn đến giá bán tăng 0,55%. Kết quả là chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao hơn, khoảng 0,65% do giá nội địa và giá nhập khẩu đều tăng. Tác động tiếp theo là lương tăng 0,62% do các doanh nghiệp phải bù giá cho người lao động. Như vậy, tác động của việc phá giá đồng nội tệ sẽ làm giá nhập khẩu tăng, dẫn đến hầu hết các loại giá tăng

xấp xỉ 1%, tức là gần bằng mức phá giá nội tệ. Trong các năm tiếp theo, tốc độ tăng của các chỉ số giá tăng cao hơn và đạt mức tăng 1%, tương đương tốc độ phá giá sau 5 năm.

Do vậy, vấn đề kiểm soát lạm phát thông qua việc điều chỉnh tỷ giá sẽ không mang lại hiệu quả lâu dài nếu không cơ cấu lại các ngành sản xuất trong nước, nhất là những ngành sản xuất phục vụ xuất khẩu. Trong thời gian tới, cần cơ cấu lại mặt hàng xuất nhập khẩu theo hướng giảm sự phụ thuộc vào mặt hàng nhập khẩu cần cho đầu vào của quá trình sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng

công nghệ cao. Muốn vậy, cần kiên trì thực hiện các định hướng sau:

*Một là*, đẩy mạnh phát triển công nghiệp phụ trợ và chế biến nhằm đảm bảo nguyên liệu đầu vào cho các ngành sản xuất bằng chiến lược đầu tư và khuyến khích đầu tư vào công nghiệp chế biến. Trước mắt, tập trung phát triển công nghiệp phụ trợ cho các mặt hàng trọng điểm như dệt may, da giày, sản xuất và lắp ráp ô tô, điện tử và tin học, cơ khí chế tạo. Từ đó, xây dựng chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ phù hợp cho từng ngành, đào tạo nguồn nhân lực theo địa chỉ.

*Hai là*, chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, có chủ định cả về cơ cấu chung của nền kinh tế, cơ cấu ngành, cơ cấu vùng, cơ cấu đầu tư. Tiến hành phân tích, đánh giá, lựa chọn cơ cấu sản phẩm, cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư để có giải pháp kinh tế, giải

pháp chính sách tăng cường công nghệ chế tạo sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ, chuyển từ sản xuất sơ chế, gia công sang sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao; ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chế tạo sản phẩm, cung ứng dịch vụ, từng bước thay dần các sản phẩm nhập khẩu bằng các sản phẩm được sản xuất trong nước có hàm lượng khoa học, công nghệ cao.

*Ba là*, từng bước phát triển nền nông nghiệp tập trung, qui mô lớn với các vùng chuyên canh có trình độ khoa học công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến để hạn chế dần xuất khẩu sản phẩm thô, chưa qua sơ chế đồng thời đẩy mạnh quảng bá thương hiệu nông sản Việt Nam nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp Việt Nam vừa góp phần thúc đẩy xuất khẩu vừa là phao đệm cho nền kinh tế trước những cú sốc từ kinh tế thế giới.

*Bốn là*, xây dựng các hàng rào kỹ thuật kiểm soát hàng nhập khẩu. Một nghịch lý cho thấy, Việt Nam xuất siêu sang các quốc gia phát triển như Mỹ, Châu Âu nhưng lại nhập siêu từ các nước trong khu vực làm hạn chế khả năng tiếp thu công nghệ hiện đại mà lại gia tăng tiêu thụ hàng hóa ứ đọng của các nước trong khu vực.

**Kết luận:** Quá trình kiểm soát lạm phát mang bản chất lâu dài do vậy các chính sách thực thi phải hướng đến dài hạn hơn là mang tính ngắn hạn nhất thời. Quá trình này đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các giải pháp tài chính và tiền tệ. Chính sách tài chính và tiền tệ thuộc về chính sách vĩ mô, tác động sâu rộng vào các quá trình kinh tế. Để chính sách tài chính, tiền tệ mang lại hiệu quả cần đặt trên nền tảng của một chiến lược phát triển kinh tế vững chắc, trong đó cơ cấu lại mặt hàng xuất nhập khẩu là một trong những nền tảng phát triển kinh tế vững chắc theo hướng phát huy nội lực. Việc kiểm soát lạm phát củng cố niềm tin của công chúng vào Ngân hàng nhà nước, qua đó góp phần tăng hiệu lực của các chính sách kinh tế vĩ mô mà Chính phủ đưa ra ■

**Tài liệu tham khảo:**

1. Ngân hàng thế giới (2008), Báo cáo cập nhật tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam, Sapa 6/2008.
2. Thời báo kinh tế Việt Nam (2009), Kinh tế Việt Nam và thế giới 2008-2009.
3. Tổng cục Thống kê.
4. Thông tin trên website của NHNN Việt Nam: [www.sbv.gov.vn](http://www.sbv.gov.vn)

